

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 2697/GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Gia công linh kiện điện tử và sản xuất và sản xuất, pha chế, kinh doanh hóa chất phục vụ mạ đồng linh kiện tử tại KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9803346885 do Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận lần đầu ngày 25/12/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 10/12/2021;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Orchem Vina tại văn bản số 36/ORC-VN ngày 20 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 491/TTr-STNMT ngày 23/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Orchem Vina, địa chỉ tại Lô CN08, KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Gia công linh kiện điện tử và sản xuất và sản xuất, pha chế, kinh doanh hóa chất phục vụ mạ đồng linh kiện tử với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Chủ dự án: Công ty TNHH Orchem Vina

1.2. Địa chỉ văn phòng: Lô CN08, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.



- Người đại diện: Ông Min Jeong Sik Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0211 3565 612 Fax: 0211 3565 618

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9803346885 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/12/2015, thay đổi lần thứ sáu ngày 10/12/2021.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 2500558117 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 21/12/2018.

1.4. Mã số thuế: 2500 558 117

1.5. Loại hình sản xuất: Gia công linh kiện điện tử và sản xuất, pha chế, kinh doanh hóa chất phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án

- Tổng diện tích: 8.265 m² thuộc KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất sản xuất của dự án theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt bao gồm: + Mạ đồng cho sản xuất PCB: 210.240.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử: 1.000 tấn sản phẩm/năm (*để sử dụng trực tiếp phục vụ dự án của Công ty và cung cấp cho các đơn vị bên ngoài trong trường hợp không sử dụng hết*).

+ Thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn các loại hóa chất (không thành lập cơ sở bán buôn) với công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm (*Danh mục các loại hóa chất Chủ dự án đăng ký thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn được trình bày chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Giấy chứng nhận đầu tư của dự án*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Orchem Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./\

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: TN&MT, Xây dựng, Công Thương; Ban Quản lý các KCN; Công an tỉnh;
- Công TTĐT Vĩnh Phúc (để đăng tải công khai);
- UBND thành phố Vĩnh Yên;
- Công ty TNHH Orchem Vina
- CV: NN5, CN1,2,3;
- Lưu: VT, NN4.

(H- 05 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2697/GPMT-UBND ngày 30/11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Do toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Khai Quang được thu gom, đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang, không xả thải ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (*đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang*) về việc thỏa thuận đấu nối nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

II. YÊU CẦU BVMT ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. *Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn (*khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn và khu vực nhà vệ sinh*) được thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý, sau đó được đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất và hệ thống xử lý khí thải được thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $700\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý, sau đó được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

1.2. *Công trình, thiết bị xử lý nước thải*

1.2.1. *Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*

- *Công suất thiết kế:* $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

- *Tóm tắt quy trình:* Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiêu khí → Bể Bê hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Xả ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

- *Hóa chất sử dụng:* hóa chất khử trùng Clo dạng viên nén

1.2.2. *Hệ thống xử lý nước thải sản xuất*

- *Công suất thiết kế:* $700\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- *Tóm tắt quy trình:* Nước thải sản xuất → Bể phản ứng nước thải nồng độ cao → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng (bể phản ứng ô 1,2,3,4) → Bể lắng (số 1,2) → Bể cân bằng pH → Tank lọc → Xả ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

- *Hóa chất sử dụng*: Canxi hidroxit ($\text{Ca}(\text{OH})_2$); Natrid hidroxit (NaOH); Polymer; Sắt Clorua (FeCl_2); Natri sunfua (Na_2S); Axit sunfuric (H_2SO_4).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải được hoàn toàn khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Đối với công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$: Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2918/GXN-STNMT ngày 30/10/2019 dự án Gia công linh kiện điện tử và sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử

- Đối với công trình xử lý nước thải sản xuất công suất $700\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $700\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Giám sát các thông số bao gồm: Lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải với các chỉ tiêu: màu, pH, BOD_5 , COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, Coliform, Cu, Fe, Ni, Zn, tổng Phenol.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A đối với các chỉ tiêu Cu, Fe, Ni, Zn và cột B đối với các chỉ tiêu còn lại.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A đối với các chỉ tiêu Cu, Fe, Ni, Zn và cột B đối với các chỉ tiêu còn lại và yêu cầu đầu nối của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Khai Quang.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang để tiếp tục xử lý.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THỦ GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2697/GPMT-UBND ngày 30/12/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XÁ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- *Nguồn số 01:* Khí thải phát sinh từ công đoạn pha chế hóa chất tại nhà xưởng 1;
- *Nguồn số 02 và 03:* Khí thải phát sinh từ quy trình mạ đồng cho PCB tại nhà xưởng 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả thải và lưu lượng khí thải

Dự án có 03 dòng khí thải (tương ứng với 03 ống khói) xả khí thải với tổng lưu lượng khí thải là 84.000 m³/giờ.

Vị trí xả khí thải: vị trí xả khí thải trong KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

- *Dòng khí thải số 01:* tương ứng với ống khói số 1 (KTTN1) (khí thải sau xử lý của hệ thống 100m³/phút), lưu lượng 100 m³/phút tương đương 6.000 m³/giờ; tọa độ vị trí xả khí thải X = 2356556, Y = 0565979.

- *Dòng khí thải số 02:* tương ứng với ống khói số 2 (KTTN2) (khí thải sau xử lý của hệ thống 500 CMM), lưu lượng 500 m³/phút tương đương 30.000 m³/giờ; tọa độ vị trí xả khí thải X = 2356587; Y = 0565895.

- *Dòng khí thải số 03:* tương ứng với ống khói số 3 (KTTN3) (khí thải sau xử lý của hệ thống 800 CMM), lưu lượng 800 m³/phút tương đương 48.000 m³/giờ; tọa độ vị trí xả khí thải X = 2356593; Y = 0565893.

2.2. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (*hệ số Kv = 0,8; Kp = 0,9*) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy

					<i>(định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>
2	Áp suất	Bar	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi tông	mg/Nm ³	144		
5	CO	mg/Nm ³	720		
6	SO ₂	mg/Nm ³	360		
7	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612		
8	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	36		
9	Hơi H ₂ SO ₄ (tính theo SO ₃)	mg/Nm ³	36		

II. YÊU CẦU BVMT ĐÓI VỚI THU GOM VÀ XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. *Công trình thu gom khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:*
Gồm hệ thống các quạt hút; đường ống thép không rỉ đường kính Ø63- Ø90

1.2. *Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải*

1.2.1. *Hệ thống xử lý khí thải công suất 100m³/phút (tương đương 6.000m³/giờ)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp xử lý → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.000m³/giờ

- Hóa chất sử dụng: dung dịch NaOH

1.2.2. *Hệ thống xử lý khí thải công suất 500 CMM (tương đương 30.000 m³/giờ)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp thụ ướt → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 30.000m³/giờ

- Hóa chất sử dụng: dung dịch NaOH

1.2.3. *Hệ thống xử lý khí thải công suất 800 CMM (tương đương 48.000m³/giờ)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp thụ ướt → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 48.000m³/giờ

- Hóa chất sử dụng: dung dịch NaOH

1.3. *Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:* Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

- Kiểm tra liều lượng dung dịch NaOH khi bơm vào hệ thống xử lý.
- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng quạt hút, thay thế thiết bị liên quan
- Trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất có liên quan, kiểm tra. Trường hợp hỏng, tiến hành thay thế, bổ sung trước khi đưa hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Đối với công trình xử lý khí thải công suất $100\text{ m}^3/\text{phút}$ tương đương $6.000\text{m}^3/\text{giờ}$: Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2918/GXN-STNMT ngày 30/10/2019 dự án Gia công linh kiện điện tử và sản xuất, pha chế dung dịch phục vụ mạ đồng linh kiện điện tử.

- Đối với 02 công trình xử lý khí thải mới đầu tư gồm hệ thống xử lý khí thải của quy trình mạ đồng cho PCB của nhà xưởng 2 có công suất lần lượt là $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$ và $48.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải (công suất $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$) và công trình xử lý khí thải (công suất $48.000\text{m}^3/\text{giờ}$).

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của các công trình, thiết bị xử lý.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung cấp phép tại Mục 2.3 Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Trồng cây xanh, định kỳ vệ sinh công nghiệp, phun nước rửa đường nội bộ... đảm bảo hạn chế phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐÓI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2697/GPMT-UBND ngày 30/11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°, mũi chiếu 3°*)

+ Tại nhà xưởng 1, tọa độ: X = 2356563; Y = 0565950;

+ Tại nhà xưởng 2, tọa độ: X = 2356556; Y = 0565919.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÓI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Lên kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc tại Dự án.

- Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn (máy bơm nước sinh hoạt, bơm nước thải, quạt hút...).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép;

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng nhằm hấp thụ ánh nắng, giảm ồn và giảm bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2697/GPMT-UBND ngày 30 / 12/2022
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Nước thải chứa hàm lượng axit đậm đặc	Lỏng	07 01 01	435.840
2	Nước thải chứa hàm lượng bazo đậm đặc	Lỏng	07 01 03	373.420
3	Hộp mực in, photo có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10
4	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	16 01 06	20
5	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
6	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	170
7	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	390
8	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay, giấy lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	300
9	Linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại	Rắn	19 02 06	38.200
10	Pin thải	Rắn	16 01 12	25
11	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý nước RO – DI	Rắn	12 10 04	120
12	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Rắn	12 06 05	249.600
	Tổng			1.098.145

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên khoảng 345kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 624 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Đôi với rác thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp, nhà ăn: Bố trí thùng rác loại có dung tích 60L.

+ Đôi với khu văn phòng, nhà vệ sinh,...: Bố trí các thùng chứa rác có dung tích 20L.

- *Diện tích:* Kho chứa chất thải sinh hoạt là 10 m².

- *Thiết kế, cấu tạo:* Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn kín, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- *Thiết bị lưu chứa:* Các thùng chứa bằng nhựa loại 30L – 60L và các thùng rác bằng inox loại 90L có nắp đậy; bao túi mềm bằng nilon.

- *Diện tích:* Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường là 20 m².

- *Thiết kế, cấu tạo:* Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn kín, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- *Thiết bị lưu chứa:* Thùng chứa bằng nhựa cứng composite dung tích 60-120 lít; bao bì mềm bằng nilon.

- *Diện tích:* Kho chứa chất thải nguy hại là 10 m².

- *Thiết kế, cấu tạo:* Kho chứa có nền nhà được thiết kế cao ráo, xây thành cao bao quanh khoảng 30 cm xung quanh, có rãnh thoát nước nền để tránh ngập lụt. Khu vực đặt bồn chứa được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và trang bị cát khô, xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH.. Khu vực đặt bồn chứa được trang bị bình bọt chữa cháy. Bên trong bố trí các thùng đựng bằng nhựa cứng composite; bao bì mềm và có dán nhãn, ghi mã cụ thể.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Hoàn thành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy;

- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo các hệ thống xử lý hoạt động ổn định, liên tục.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất; sự cố bục vỡ đường ống hệ thống xử lý nước thải;

- Với hệ thống xử lý nước thải: Trong trường hợp hệ thống bị sự cố, dừng hoạt động sản xuất, nước thải được lưu giữ tại hệ thống, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trang cuối./.

